

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM
Số: 03/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Hà, ngày 03 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST – HNGĐ ngày 02/01/2019 (Thụ lý cũ 143/2018/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018), giữa :

Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hà M, huyện Đắk H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh Lưu Cao Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hà M, huyện Đắk H, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị X và anh Lưu Cao Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị X và anh Lưu Cao Đ thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 03 con chung anh Lưu Cao Đ và chị Trần Thị X thỏa thuận như sau:

Giao cháu Lưu Thị Bạch D, sinh ngày 09/9/2001 cho chị Trần Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lưu Cao Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Lưu Cao Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở.

Đối với cháu Lưu Thị Thúy A, sinh ngày 03/02/1994 và cháu Lưu T, sinh ngày 17/10/1995. Đã trưởng thành và tự lập được, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- ***Về tài sản chung, nợ chung:*** Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 ; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Án phí dân sự sơ thẩm là: 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Chị Trần Thị X thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Trần Thị X đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2010/0009483 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) cho chị Trần Thị X.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Đông, tp Buôn Ma Thuật;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga